Đa hình: Là khả năng một đối tương thể hiên nhiều hình dang/hành vi khác nhau Đinh nghĩa Kế thừa: Là cơ chế một lớp (lớp con) thừa hưởng thuộc tính và phương thức từ lớp khác (lớp cha) Đa hình: Cho phép gọi các phương thức khác nhau dưa trên loại đối tương thực tế Muc đích Tính linh hoat Kế thừa: Cho phép tái sử dụng mã và thiết lập Khả năng tái sử dụng mã mối quan hệ "is-a" giữa các lớp Lợi ích Dễ bảo trì Đa hình: thời gian biên dịch (compile-time), đa hình thời gian chay (runtime) Tính trừu tương Đa hình (Polymorphism) Sự khác biệt giữa đa hình và kế thừa Loai Kế thừa: Chỉ có một loại: lớp con kế Khả năng mở rộng thừa từ lớp cha hoặc triển khai giao diên Cung cấp cấu trúc lớp cha-con Đa hình: Thông qua nạp chồng Tính hữu ích của kế thừa Ghi đè phương thức (Method Overriding) (overloading), ghi đè (overriding), hoặc giao diên Sử dụng tham chiếu lớp cha Cơ chế thực hiên Kế thừa: Thông qua từ khóa extends (cho lớp) hoăc implements (cho giao diên) Đa hình: thường dưa trên kế thừa để đat được (đặc biệt với ghi đè) Quan hê với nhau Kế thừa: là một cách để hỗ trợ đa hình, nhưng không phải lúc nào cũng dẫn đến

đa hình